

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/HNGĐ- ST**

Ngày : 06-8-2020

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 03/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Nguyệt T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Lê Bá Hàn D**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chị T có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nguyệt T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Bá Hàn D quen biết nhau do là bạn bè, cùng nơi cư trú, có thời gian tìm hiểu khoảng 06-07 tháng thì tổ chức lễ cưới tại gia đình chị T, còn gia đình anh D không đồng ý cho hai người kết hôn nên không tổ chức lễ cưới, chung sống tự nguyện từ năm 2013. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 16/8/2013.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị T cho rằng anh D thường xuyên nhậu nhẹt, ngày nào cũng nhậu, chị khuyên bảo nhưng không được. Có lần cãi vã thì

anh D đã đuổi chị T ra khỏi nhà nên chị T đã về sinh sống với mẹ đẻ tại thôn 6, xã L, huyện B từ cuối năm 2013 đến nay. Anh D có đến thăm con nhưng vợ chồng không nói chuyện, tình cảm vợ chồng không có, gia đình hai bên không quan tâm, động viên tác động cho vợ chồng đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ly thân đã lâu, không có sự yêu thương, quý trọng nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị T trình bày quá trình chung sống chị và anh Lê Bá Hàn D có một con chung tên là Lê Nguyễn Tú Q, sinh ngày 14/11/2013. Chị T trình bày từ khi ly thân đến nay chị T đang trực tiếp nuôi con chung, đủ điều kiện nuôi con, anh D có đến thăm con nhưng không chu cấp nuôi con. Nay ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh Lê Bá Hàn D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày chị và anh Lê Bá Hàn D không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã triệu tập họp lệ anh Lê Bá Hàn D nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của chị T nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/6/2020 nhưng không được vì lý do chị T có mặt, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa, anh Lê Bá Hàn D vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa nên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Nguyệt T và anh Lê Bá Hà Duy được ly hôn. Về con chung cần giao con là Lê Nguyễn Tú Q, sinh ngày 14/11/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Lê Bá Hàn D đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn

cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

II. Về nội dung vụ án:

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Nguyệt T và anh Lê Bá Hàn D có thời gian tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, chung sống tự nguyện từ năm 2013. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 16/8/2013. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên thời gian chung sống với nhau chưa lâu thì đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị T trình bày vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh D thường xuyên nhậu nhẹt, chị T có khuyên ngăn nhưng không được. Do mâu thuẫn nên anh D có đuổi chị T ra khỏi nhà nên chị T về sống với mẹ đẻ từ cuối năm 2013 đến nay. Quá trình sống ly thân thì anh D có đến thăm con nhưng vợ chồng không hàn gắn tình cảm, không tiếp tục đời sống chung. Do tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc, không thể hàn gắn nên chị T vẫn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh D. Tòa án có tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng thì được biết chị T và anh D không còn sống chung với nhau đã lâu. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để vợ chồng chị T, anh D về đoàn tụ với nhau nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị T kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, anh D vắng mặt không lý do. Xét hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ly thân đã lâu, không hàn gắn tình cảm được nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị T và anh D được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} *Về con chung:* Xét lời khai của chị T, căn cứ vào giấy khai sinh chị T xuất trình cho Tòa án cho thấy quá trình chung sống chị T và anh D có một con chung tên là Lê Nguyễn Tú Q, sinh ngày 14/11/2013. Chị T trình bày từ khi ly thân đến nay chị T đang là người trực tiếp nuôi con và có đủ điều kiện nuôi con, nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh D cũng không đến Tòa án làm việc. Để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

{3} *Về tài sản chung:* Chị T trình bày chị và anh D không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung:* Chị T trình bày chị và anh D không có nợ chung nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị Nguyệt T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nguyệt T đối với anh Lê Bá Hàn D về việc “*Ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nguyệt T và anh Lê Bá Hàn D được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Lê Bá Hàn D phải giao con chung tên là Lê Nguyễn Tú Q, sinh ngày 05/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Nguyệt T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung (đã giao con).

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Nguyệt T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2016/0019514 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

